

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-8-2020

V/v: Ly hôn giữa

chị N và anh C.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Anh Thơ

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế C, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn H, xã D, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế C kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) D, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 06-9-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không bao ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4-2020. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về nuôi con chung: Chị và anh C không có con chung.

Về chia tài sản: Chị và anh C không có tài sản chung, không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị ngày 22-7-2020, bị đơn anh Nguyễn Thế C trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trần Thị N do hai bên tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã D vào ngày 06-9-2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống nên trong cuộc sống hay sinh ra cãi vã. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 4- 2020. Nay anh xác định cuộc sống tình cảm, chị N xin ly hôn, anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Anh và chị N không có con chung.

Về chia tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không vay nợ ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang phải trực tiếp trông nom, chăm sóc con riêng của anh bị bệnh bại lảo, cuộc sống thực vật, anh không thể đến Tòa án được, đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thế C. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn”. Anh C có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn H, xã D, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và anh C có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thế C kết hôn do hai bên tự N, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, vợ chồng chị N và anh C đã sống ly thân nhau từ tháng 4-2020. Nay chị N và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N khởi kiện ly hôn, anh C cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: Chị N và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên cần xử cho chị N và anh C ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh C không có con chung.

[4] Về chia tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Thế C.

2. Về nuôi con chung: Chị N và anh C không có con chung.

3. Về chia tài sản: Chị N và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006056 ngày 07-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà thành tiền án phí ly hôn (Chị N đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã D.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên